

VÀI Ý KIẾN VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA KIẾN THỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP TRONG QUÁ TRÌNH DẠY TIẾNG

NGUYỄN ANH QUẾ

1- Quá trình dạy Tiếng thực chất bao gồm hai nội dung cơ bản sau đây :

1) Truyền thụ cho người học các kiến thức ngôn ngữ về thứ tiếng đó, và

2) giúp cho người học hình thành và phát triển đến thuần thục thói quen sử dụng các kiến thức ngôn ngữ, vật liệu ngôn ngữ để thể hiện tư tưởng, tình cảm trong các trạng huống giao tiếp khác nhau.

Gắn liền với nội dung thứ nhất là việc dạy cho người học những cơ chế được xây dựng bằng vật liệu ngôn ngữ : các đơn vị thuộc các cấp độ khác nhau (âm vị, hình vị, từ) và các qui tắc phân tích các đơn vị đó : Cấu trúc ngữ âm, hình thái ngữ pháp, các kiểu kết hợp v.v... Gắn liền với nội dung thứ hai là dạy cho người học các dạng hoạt động ngôn từ. Nói cách khác, một thứ tiếng tồn tại bởi hệ thống các ký hiệu được tổ chức theo một kiểu đặc trưng cho thứ tiếng đó đồng thời nó cũng tồn tại bởi hàng loạt các biến thể phản ánh thực tại, xuất hiện khi các ký hiệu hành chức, nghĩa là khi các ký hiệu, các phương tiện ngôn ngữ hoạt động trong thực tiễn nói năng.

Thái độ xử lý đối với hai nội dung cơ bản trên đây là xuất phát điểm của hàng loạt trường phái, khuynh hướng khác nhau trong tâm lý học giảng dạy và phương pháp luận giảng dạy ngoại ngữ thuộc nhiều thế hệ.

2- Thật ra, hai nội dung trên đây không hoàn toàn tách rời nhau. Kiến thức ngôn ngữ, chẳng hạn kiến thức về câu, được khái quát quy nạp từ nhiều câu cụ thể không thể nói là nó tách rời khỏi hoạt động ngôn từ, khỏi sự hành chức.

Ví dụ câu đơn giản : "Tôi là sinh viên" với khuôn mẫu

$$\frac{C}{D1} \quad - \quad \frac{V}{\text{là} + D2}$$

Không phải là khuôn mẫu tồn tại biệt lập khỏi lời nói mà nó phải được coi là một dạng tinh trong hoạt động ngôn từ, hoặc theo cách nói của ngôn ngữ học giao tiếp, khuôn mẫu chính là một ngữ cảnh tinh. Còn các biến thể khác xuất hiện từ khuôn mẫu đó như "em tôi là sinh viên", "em tôi cũng là sinh viên", "em tôi - sinh viên" v.v... là một tập hợp các ngữ cảnh trong đó khuôn mẫu vận hành. Cũng như vậy ở cấp độ từ, đơn vị "bàn" khi chưa hành chức là một đơn vị ngôn ngữ tinh còn "bàn" trong "bàn bạc", "cái bàn học", "bàn tròn"... thì nó đã tham gia vào một ngữ cảnh có sự tương tác. (1)

Như vậy việc dạy một kiến thức ngôn ngữ nào đó thực ra là đã bắt đầu đặt nó vào

trong guồng quay của hoạt động ngôn từ. Tuy nhiên, cùng với quá trình phát triển qua nhiều giai đoạn của ngôn ngữ học lý thuyết và ngôn ngữ học ứng dụng, phương pháp luận dạy Tiếng như một ngoại ngữ đã từng lúc chú trọng vào nội dung này hay nội dung kia trong hai nội dung hợp thành của nhiệm vụ dạy Tiếng nói trên đây và từ đó cũng nảy sinh không ít các phương pháp cụ thể khác nhau.

3- Xuất phát từ ngữ pháp phổ quát duy lý phát triển mạnh mẽ ở thế kỷ 17 với những tên tuổi như Ác nô, Nicôlê, Lãng xôlô v.v... trong đó người ta đề cao các nguyên lý chung, phổ biến của ngôn ngữ, giải thích các hiện tượng tồn tại trên cơ sở kết cấu và hoạt động của ngôn ngữ, giải thích quan hệ giữa các phạm trù và hiện tượng ngôn ngữ với các phạm trù tư duy..., Phương pháp ngữ pháp - dịch đã tồn tại hàng thế kỷ trong việc lĩnh hội hoặc truyền thụ một ngoại ngữ. Theo quan điểm và phương pháp này việc dạy và học một thứ tiếng không có gì khác hơn là đối chiếu hệ thống ngôn ngữ của thứ tiếng đang học với hệ thống ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ bởi vì ngôn ngữ nào cũng chỉ xuất phát từ một nền duy lý chung. Ở Việt Nam, tiêu biểu cho khuynh hướng này là các giải thích của Trương Vinh Ký, Lê Ngọc Vượng, Trần Trọng Kim... Phương pháp ngữ pháp - dịch đã tước bỏ những biểu hiện sinh động của hiện thực lời nói, chỉ chú trọng những cơ chế ngôn từ nằm ở bề sâu (hoặc kiến trúc sâu, nói theo thuật ngữ của ngữ pháp tạo sinh)

Đến đầu thế kỷ 20, phổ biến rộng rãi phương pháp trực tiếp trong việc dạy và học ngoại ngữ. Xét về mặt lịch sử, phương pháp này là sự hiện thực hóa một nhận thức lý thuyết ngôn ngữ ra đời từ trước đó khá lâu, lý thuyết về tâm lý học tư duy - lời nói, lý thuyết về phân đoạn lời nói, về hành vi lời nói và hiểu lời nói v.v... của Công điác, Harit. Những người theo phương pháp trực tiếp cho rằng cuộc sống con người hình thành từ nhiều tình cảnh nhất định, từ nhiều câu hỏi và câu trả lời nhất định, từ những mối liên hệ nhất định này sinh giữa những tập hợp vô cùng các hoàn cảnh tác động đến chúng ta và cũng bằng ấy những tập hợp vô cùng các phản ứng trở lại của chúng ta. Vì vậy dạy một thứ tiếng không phải là dạy một hệ thống tĩnh bất biến các cơ chế, các vật liệu ngôn ngữ tách rời khỏi hoạt động, khỏi hành vi của con người mà phải tạo ra được thói quen phản ứng, thói quen nói năng, hành vi nói năng... Lỗi dạy và học mô phỏng trong môi trường song ngữ ít nhiều đều có quan hệ đến phương pháp trực tiếp. Gần đây đang là thời thượng các phương pháp dạy và học ngoại ngữ theo chương trình hóa, dạy và học ngôn ngữ giao tiếp trên cơ sở so sánh loại hình cấu trúc - chức năng - ngữ nghĩa. Tuy nhiên cần thấy rằng vô luận áp dụng phương pháp nào, chú trọng vào nội dung nào thì người ta cũng không thể tách quá trình dạy và học một thứ tiếng khỏi các quy tắc tổ chức ngôn từ, khỏi các ngữ liệu của chính thứ tiếng đó. Dĩ nhiên trong trường hợp việc học được tổ chức theo quy trình "lớp học" (nghĩa là có thầy, có tài liệu giáo khoa) thì vai trò của tri thức ngôn ngữ là không có gì phải bàn cãi. Ngay cả trong trường hợp việc học không theo quy trình "lớp học" nghĩa là học theo lối truyền khẩu, mô phỏng thì người học vẫn phải tiếp xúc một cách tự nhiên với tri thức ngôn ngữ thông qua việc rút kinh nghiệm những sai sót, nhầm lẫn khi nói với người bản ngữ và tích lũy tri thức cũng một cách tự nhiên như thế khi nghe người bản ngữ nói⁽¹⁾

4 - Như đã nói ở trên, các nhà "trực tiếp" cho rằng cái cơ bản của việc nắm một ngoại ngữ là hệ thống các thói quen mà không phải là hệ thống các hiểu biết lý trí. Chúng ta không phủ nhận hoàn toàn điều đó nhưng chúng ta cũng đề cao hiểu biết hệ thống ngôn ngữ. Sở dĩ thế là vì một mặt chúng ta coi trọng hoạt động ngôn ngữ, hành vi ngôn ngữ,

mặt khác chúng ta cũng quan niệm rằng người học không phải là cái máy chỉ biết lặp lại một cách rập khuôn mà phải làm chủ được hoạt động của mình, trong đó có hoạt động ngôn từ hoạt động nói năng, một cách có ý thức. Đương nhiên điểm đến của quá trình học một ngoại ngữ là sự thuần thục, nhưng vấn đề là ở chỗ thuần thục trên cơ sở hiểu biết sâu sắc chất liệu ngôn từ chứ không phải là một thói quen máy móc. Trên tinh thần đó, trong quá trình dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, mệnh đề "người Việt nói thế" không thể thay thế cho những tri thức ngôn ngữ học cần phải có ở người dạy. Nên nhớ rằng chúng ta dạy tiếng Việt ở bậc đại học. Vì vậy tri thức, trình độ tiếng Việt của người học không phải chỉ được đánh giá ở sự thuần thục (tiêu chuẩn định tính) mà còn phải được đánh giá ở cả vốn từ, hệ thống ngữ liệu thuộc các cấp độ ngôn ngữ v.v... (tiêu chuẩn định lượng)

Trên con đường đi từ việc nắm vững các tri thức ngôn ngữ đến việc vận dụng một cách tự động, gần như vô thức các tri thức đó trong hoạt động nói năng sẽ còn nảy sinh hàng loạt lý thuyết và giải pháp thực hành thuộc tâm lý học và phương pháp luận như lý thuyết tác động trí tuệ, lý thuyết về các phương thức chuyển ngôn ngữ bên ngoài thành ngôn ngữ bên trong... mà nhiều nhà ngôn ngữ học và các nhà phương pháp luận dạy tiếng đã đặt những nền móng quan trọng.

5 - Đã 35 năm tồn tại một chuyên ngành dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, cho đến hôm nay chúng ta vẫn chưa thực sự bắt đầu xây dựng nền móng cho một hệ phương pháp cụ thể về việc dạy tiếng Việt trong bối cảnh chung của phương pháp luận dạy tiếng hiện đại là một sự muộn màng khó lý giải. Và có lẽ cũng khó lý giải không kém là việc không chú trọng nâng cao sự hiểu biết sâu sắc về tiếng Việt, trang bị tốt nhất cho người dạy những tri thức ngôn ngữ học chuyên ngành như là một chiến lược về đội ngũ. Nếu một vài ý kiến về mối quan hệ giữa kiến thức và phương pháp trong quá trình dạy tiếng, chúng tôi muốn gián tiếp đặt ra những vấn đề thảo luận về sự phát triển của chuyên ngành dạy tiếng Việt cho người nước ngoài trong cơ chế mở hiện nay.

CHÚ THÍCH

(1) Đương nhiên cơ chế ngôn từ theo ngữ pháp truyền thống có thể không phản ánh hết hoạt động của các đơn vị ngôn ngữ và chính vì thế mà đã ra đời những ngành ngữ pháp mới : ngữ pháp của lời, ngữ pháp khẩu ngữ... hay như thuật ngữ của Serba là "ngữ pháp hoàn cảnh" v.v... Dẫu sao vẫn cứ phải có một hệ thống các qui tắc để lý giải thực tiễn hoạt động ngôn từ.

ABOUT THE RELATION BETWEEN KNOWLEDGE AND METHOD IN THE TEACHING OF FOREIGN LANGUAGE

Nguyen Anh Que

In author's opinion, process teaching of foreign language have two aspects :

There are teaching for foreign students knowledges and help them used skillful that. All methods of teaching and learning are based on this opinion.

In this article, author only attempt to present the importance of linguistic knowledges in the relation with method of teaching of foreign language.